

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HN&GD-ST

Ngày: 18-5-2023

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Văn Sơn;

2/ Ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLST-HN&GD ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HN&GD ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số 14, đường số 39, thôn 4, xã MP, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Số 16, đường Hùng Vương, khu phố 8, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2002, bà V và ông N kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX, huyện Đức Linh. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng cãi vã. Cuộc sống như vậy cứ lặp đi lặp lại, gây áp lực cho bà V không chịu nổi; nay bà V xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn ông N.

Về con chung: Bà V khai giữa bà và ông N có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 01/7/2003 và Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 26/6/2006. Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về con chung.

Về tài sản chung và nợ: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông N và bà V có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại UBND thị trấn VX, huyện Đức Linh. Quá trình chung sống có nhiều bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Sự việc xảy ra dẫn đến bà V nộp đơn ly hôn là lỗi do ông N ít quan tâm chăm sóc đến gia đình. Nay bà V yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông N đồng ý.

Về con chung: Ông N khai nhận giữa ông và bà V có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Minh Hiếu, sinh ngày 01/7/2003 và Nguyễn Minh Trung, sinh ngày 26/6/2006. Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về con chung.

Về tài sản chung: Ông N không tranh chấp.

Về nợ chung: Ông N khai giữa ông và bà V có nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn – chi nhánh huyện Đức Linh số tiền 70.000.000 đồng và nợ Ngân hàng chính sách xã hội Đức Linh số tiền 65.000.000 đồng. Tổng số tiền ông N và bà V phải trả là 135.000.000 đồng; ông N trả số tiền 70.000.000 đồng và bà V trả số tiền 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Cẩm V ly hôn ông Nguyễn N.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm V khởi kiện ly hôn đối với bị đơn Nguyễn N; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại khu phố 8, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 98, đăng ký ngày 18/10/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, có căn cứ khẳng định bà V và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông N được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà V và ông N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì ông bà sống chung với nhau như vợ chồng được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà V và ông N là do ông bà bất đồng về quan điểm sống, ông N không quan tâm gia đình; quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn ông N. Ông N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông N đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông N.

[3.2] Về con chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà V và ông N về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[3.3] Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án, ông N khai giữa ông và bà V có nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn – chi nhánh huyện Đức Linh số tiền 70.000.000 đồng và nợ Ngân hàng chính sách xã hội Đức Linh số tiền 65.000.000 đồng; bà V thừa nhận các khoản nợ mà ông N khai; tuy nhiên, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông N cũng không có đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải bầu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm V.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm V ly hôn ông Nguyễn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 98, đăng ký ngày 18/10/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn VX, huyện Đức Linh giữa ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Cẩm V hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm V phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0014822 ngày 16/02/2023. Bà Nguyễn Thị Cẩm V đã nộp đủ tiền án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/5/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. VX;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận